

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Ông Nguyễn Tùng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (không tham gia)

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: số A, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An (trước đây là số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Người đại diện theo pháp luật: ông Somyot N, sinh năm 1966, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Kanokwatpaisal N1, sinh năm 1972, chức danh: Giám đốc; ông Teeravikavee K, sinh năm 1977, chức danh: Giám đốc. Các ông Somyot N, Teeravikavee K thỏa thuận ông Kanokwatpaisal N1 là người đại diện Công ty Cổ phần S ký đơn khởi kiện (Văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2024)

Ông Kanokwatpalsal N2 ủy quyền ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995 (theo văn bản ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN ngày 01/6/2024). Địa chỉ nơi làm việc của ông V: số E, đường P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là số E, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số G, đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là số G, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S (Công ty S Có Ngay) trình bày như sau:

Ngày 15/8/2020, Công ty TNHH S1 (Công ty S1) và bà Nguyễn Thị Ngọc T ký kết Hợp đồng cầm cố số VLM200801011NA12X với nội dung bà T cầm cố Công ty S1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza 115cc, biển số kiểm soát 64C1-084.xx, số khung DR10CY064xxx, số máy 1DR1064xxx và Giấy chứng nhận đăng ký số 1154xx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên để nhận số tiền cầm cố 4.500.000 đồng; thời hạn cầm 06 tháng, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Ngoài ra, Công ty S1 và bà T còn xác lập với nhau Giấy mượn xe ngày 15/8/2020, với nội dung Công ty S1 cho bà T mượn lại chiếc xe mô tô biển số 64C1-084.xx trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 15/8/2020 đến ngày 15/9/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán số tiền nợ gốc 661.384 đồng, tiền lãi 49.500 đồng, tiền phí 187.116 đồng và sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi đối với Công ty S1.

Ngày 26/9/2023, Công ty TNHH S1 thực hiện thủ tục chuyển đổi thành Công ty Cổ phần S theo Quyết định số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023; đăng ký doanh nghiệp, ban hành Điều lệ Công ty vào ngày 27/3/2024.

Ngày 15/4/2025, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 7.963.849 đồng; rút lại yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza 115cc, biển số kiểm soát 64C1-084.xx.

Công ty S yêu cầu anh Mai Quốc C trả nguyên đơn số tiền 7.401.355 đồng, trong đó: tiền gốc 3.838.616 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tổng cộng 3.562.719 đồng.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của Công ty S có văn bản trình bày ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả nguyên đơn tiền nợ gốc 3.838.616 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2025 gồm tiền lãi trong hạn 213.939 đồng, tiền

lãi quá hạn 3.405.428 đồng, tổng cộng: 7.457.938 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi bà T trả hết nợ. Công ty S đồng ý trả lại bà T bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 1154xx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên khi tắt toán nợ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ dự phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty S khởi kiện bà T tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập họp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Quá trình tiến hành tố tụng, Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T thanh toán số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 7.963.849 đồng; yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển số kiểm soát 64C1-084.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký số 1154xx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên. Hội đồng xét xử nhận thấy, vụ án không có yêu cầu phản tố, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đã rút như trên của nguyên đơn.

Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 217, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 18/7/2025 là 7.457.983 đồng, trong đó tiền nợ gốc 3.838.616 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2025 gồm tiền lãi trong hạn 213.939 đồng, tiền lãi quá hạn 3.405.428 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vào ngày 15/8/2020, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã ký kết với Công ty S một Hợp đồng cầm cố số VLM200801011NA12X với nội dung bà T cầm cho Công ty S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển số kiểm soát 64C1- 084.xx, số khung DR10CY064xxx, số máy 1DR1064xxx. Công ty S giữ bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 115432 do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên để nhận số tiền cầm cố 4.500.000 đồng, thời hạn cầm 06 tháng, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại Điều 4, Điều 6 của hợp đồng. Tính đến ngày 18/7/2025, bà T còn nợ Công ty S số tiền gốc 3.838.616 đồng. Căn cứ vào Điều 311, Điều 314 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

Đối với tiền lãi: Đến ngày 18/7/2025, bị đơn nợ nguyên đơn tiền lãi trong hạn 213.939 đồng, tiền lãi quá hạn 3.405.428 đồng. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản thì thỏa thuận về tiền lãi giữa các bên phù hợp quy định tại các Điều 311, 314, 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển số kiểm soát 64C1-084.xx do bà T đã quản lý, sử dụng theo Giấy mượn xe ngày 15/8/2020 và nguyên đơn không yêu cầu xử lý xe mô tô trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về xe mô tô biển số 64C1-084.xx. Buộc Công ty S trả lại bà T bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1154xx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên.

[4] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T nộp số tiền 372.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty S số tiền tạm ứng án phí 377.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 309, 311, 314, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T trả số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 7.963.849 đồng (bảy triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng); yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển số kiểm soát 64C1-084.xx, số khung DR10CY064xxx, số máy 1DR1064xxx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1154xx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T trả Công ty Cổ phần S số tiền nợ gốc 3.838.616 đồng (ba triệu tám trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm mười sáu đồng), tiền lãi trong hạn 213.939 đồng (hai trăm mười ba ngàn chín trăm ba mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 3.405.428 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ năm ngàn bốn trăm hai mươi tám đồng), tổng cộng: 7.457.983 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Công ty Cổ phần S trả bà Nguyễn Thị Ngọc T bản chính một Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1154xx đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát 64C1-084.xx, số khung DR10CY064xxx, số máy 1DR1064xxx do Công an tỉnh V cấp ngày 18/11/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T nộp số tiền 372.900 đồng (ba trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 377.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0007766 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- Dương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

